

Bản án số: 86/2022/DS-ST
Ngày 31 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Ông Trần Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ; Địa chỉ: 41 và 45 Lê D, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Tr. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh C – Phòng Giao dịch P. Địa chỉ: Số 11A, đường T, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo giấy ủy quyền số: 66/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 30/6/2021).

Người được ông Tr ủy quyền lại:

+ Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1987 là Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường – Phòng thu hồi nợ bán lẻ (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Diễm Ph, sinh năm 1996 là Nhân viên thu hồi nợ hiện trường – Phòng thu hồi nợ bán lẻ (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 11A, đường T, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Theo giấy ủy quyền ngày 24/3/2022), (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp Tân H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/10/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ – Phòng Giao dịch P và ông Nguyễn Văn T sau quá trình thỏa thuận đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0461/2020/PNH/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0461/2020/PNH/KUNN ngày 26/10/2020 cụ thể:

Số tiền vay: 180.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: trong 03 tháng đầu là 15,9%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công suất tính lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở (1) + biên độ lãi suất (2). Trong đó lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất ngân hàng ban hành theo từng thời kỳ; biên độ lãi suất: Tối thiểu 08%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng tín chấp cán bộ nhân viên.

Phương thức vay: Trả góp.

Thời hạn rút vốn: 03 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc theo định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng. Số tiền trả đều mỗi kỳ là 3.000.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/11/2020.

Trả nợ lãi: Bên vay trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 của tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/11/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 68.248.468 đồng, trong đó nợ gốc là 39.000.000 đồng, nợ lãi là 29.248.468 đồng. Tổng nợ của ông T tính đến ngày 31/5/2022 là 152.802.016 đồng. Trong đó: Nợ gốc 141.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.499.502 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.302.514 đồng. Ngày bắt đầu quá hạn là 15/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ (viết tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 31/5/2022 là 152.802.016 đồng và các khoản lãi, chi phí phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông nhưng ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ là 152.802.016 đồng thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 0461/2020/PNH/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0461/2020/PNH/KUNN ngày 26/10/2020 thể hiện: Vào ngày 26/10/2020 ông T có vay vốn tại Ngân hàng số tiền: 180.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: trong 03 tháng đầu là 15,9%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: Vay tiêu dùng tín chấp cán bộ nhân viên, phương thức vay: Trả góp, thời hạn rút vốn: 03 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Bên vay trả nợ gốc theo định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng, số tiền trả đều mỗi kỳ là 3.000.000 đồng. Bên vay trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 của tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/11/2020.

Xét thấy hợp đồng giữa Ngân hàng với ông T được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Theo đại diện nguyên đơn xác định, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 68.248.468 đồng, trong đó nợ gốc là 39.000.000 đồng, nợ lãi là 29.248.468 đồng. Từ ngày 15/12/2021 ông T không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền là 152.802.016 đồng. Trong đó: Nợ gốc 141.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.499.502 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.302.514 đồng.

Đối với ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3.3] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền

152.802.016 đồng. Trong đó: Nợ gốc 141.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.499.502 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.302.514 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu là: 7.640.100 đồng (152.802.016 đồng x 5%).

Ngân hàng không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ số tiền là: 152.802.016 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đ số tiền 3.714.000 đồng (ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012280 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 7.640.100 đồng (bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn một trăm đồng) (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

